

BH, ngày 24 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN THÀNH PHỐ BH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn Nh và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1458/2024/TLST – VHNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc yêu cầu “Công nhận việc thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1/Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 576/12, tổ 1, khu phố 2, phường A, TP. BH, tỉnh Đồng Nai.

2/Ông Nguyễn Trương Trọng Nh, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 16/4, tổ 1, khu phố 5, phường T, TP. BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Trương Trọng Nh xây dựng gia đình với nhau vào năm 2021, hôn Nh tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2021 của Ủy ban Nh dân phường T, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai).

Nay bà L, ông Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án Nh dân TP BH công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] **Về con chung:** Ông bà có 01(một) người con chung :

Nguyễn Gia Hân, sinh ngày: 05/8/2021.

Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung Nguyễn Gia Hân, sinh ngày: 05/8/2021 cho bà Phạm Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trương Trọng Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về lệ phí Tòa án:** Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Trương Trọng Nh phải chịu 300.000đ lệ phí hôn Nh gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không

có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn Nh:** Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Trương Trọng Nh thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 (một) con chung:

Nguyễn Gia Hân, sinh ngày: 05/8/2021.

Sau khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Gia Hân, sinh ngày: 05/8/2021 cho bà Phạm Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Trương Trọng Nh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Gia Hân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Trương Trọng Nh không trực tiếp nuôi con nên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Khai không có, không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Trương Trọng Nh phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP BH, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 004028 ngày 30/5/2024.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP BH (2);
- THADS TP BH (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký KH (1);
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú

